

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG

ĐỀ THI THAM KHẢO

(Đề thi có 05 trang)

KỶ THI TỐT NGHIỆP THPT

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề thi: 004

Câu 41: Vùng núi Tây Bắc nằm giữa hai hệ thống sông lớn là

A. Sông Hồng và sông Mã.

B. Sông Đà và sông Lô.

C. Sông Cả và sông Mã.

D. Sông Hồng và sông Cả.

Câu 42: Đặc điểm của đô thị nước ta hiện nay là

A. đều có quy mô rất lớn.

B. phân bố đồng đều cả nước.

C. cơ sở hạ tầng hiện đại.

D. có nhiều loại khác nhau.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây **không** thuộc hệ thống sông Hồng?

A. Sông Mã.

B. Sông Lô.

C. Sông Gâm.

D. Sông Chảy.

Câu 44: Tài nguyên khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị nhất trên vùng biển nước ta hiện nay là

A. cát trắng.

B. muối.

C. titan.

D. dầu khí.

Câu 45: Đường bờ biển nước ta dài 3260 km, chạy từ tỉnh

A. Lạng Sơn đến Cà Mau.

B. Quảng Ninh đến Cà Mau.

C. Quảng Ninh đến Kiên Giang.

D. Lạng Sơn đến Kiên Giang.

Câu 46: Chất lượng nguồn lao động ở nước ta có đặc điểm

A. hằng năm được bổ sung một lực lượng lao động mới.

B. lao động phân bố không đều giữa đồng bằng và miền núi.

C. nguồn lao động dồi dào chiếm 51,2% dân số.

D. người lao động cần cù, chịu khó, có kinh nghiệm sản xuất.

Câu 47: Theo quy hoạch của Bộ Công nghiệp (năm 2001), cả nước được phân thành bao nhiêu vùng công nghiệp?

A. 5.

B. 4.

C. 6.

D. 3.

Câu 48: Dân tộc nào sau đây có số lượng đông nhất ở nước ta?

A. Dân tộc Tày.

B. Dân tộc Thái.

C. Dân tộc Mường.

D. Dân tộc Kinh.

Câu 49: Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt nước ta, nhóm cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất là

A. cây lương thực.

B. cây rau đậu.

C. cây ăn quả.

D. cây công nghiệp.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí trang 23, cho biết cửa khẩu nào sau đây nằm trên đường biên giới Việt Nam – Trung Quốc?

A. Mộc Bài.

B. Bờ Y.

C. Hữu Nghị.

D. Tây Trang.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đèo Hải Vân thuộc dãy núi nào sau đây?

A. Trường Sơn Bắc.

B. Hoành Sơn.

C. Bạch Mã.

D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết vùng kinh tế nào sau đây có nhiều khu kinh tế ven biển nhất?

A. Duyên hải Nam Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Đồng bằng sông Hồng.

D. Đông Nam Bộ.

Câu 59: Đây là điều kiện thuận lợi nhất cho việc nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nước ta?

- A. Nhiều đầm phá, bãi triều và các cửa sông rộng lớn.
- B. Diện tích mặt nước lớn ở các đồng ruộng.
- C. Nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ.
- D. Nhiều bãi triều và ô trũng ngập nước.

Câu 60: Việc phát triển cây công nghiệp lâu năm hiện nay ở nước ta gặp khó khăn lớn nhất nào sau đây?

- A. Giống cây trồng còn nhiều hạn chế.
- B. Thị trường có nhiều biến động.
- C. Công nghiệp chế biến chưa phát triển.
- D. Thiếu lao động có kinh nghiệm sản xuất.

Câu 61: Biểu hiện rõ rệt nhất của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ là

- A. một số mặt hàng được xuất khẩu lớn.
- B. hội nhập kinh tế được đẩy mạnh.
- C. các vùng chuyên canh nông nghiệp được phát triển.
- D. tỉ trọng nông – lâm – ngư nghiệp giảm.

Câu 62: Vị trí địa lí không mang lại cho nước ta thuận lợi nào sau đây về kinh tế?

- A. Cơ cấu kinh tế thay đổi hợp lí hơn.
- B. Phát triển các ngành kinh tế, các vùng lãnh thổ.
- C. Thực hiện chính sách mở cửa, thu hút đầu tư.
- D. Giao lưu hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Câu 63: Thế mạnh quan trọng về tự nhiên nào sau đây để phát triển công nghiệp ở khu vực đồi núi của nước ta?

- A. Nhiều khoáng sản, tiềm năng thủy điện lớn.
- B. Tập trung khá nhiều khoáng sản.
- C. Khí hậu thuận lợi, đất đai rộng lớn.
- D. Diện tích rừng lớn, nhiều đồng cỏ.

Câu 64: Nội dung chủ yếu của chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường là nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Đảm bảo việc bảo vệ tài nguyên môi trường đi đôi với sự phát triển bền vững.
- B. Đảm bảo chất lượng môi trường phù hợp với yêu cầu đời sống con người.
- C. Phòng và khắc phục sự suy giảm môi trường, đảm bảo cho sự phát triển bền vững.
- D. Cân bằng giữa phát triển dân số với khả năng sử dụng hợp lí các nguồn tài nguyên.

Câu 65: Quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay phát triển chủ yếu do

- A. quá trình công nghiệp hóa được đẩy mạnh.
- B. nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường.
- C. thu hút được nhiều nhà đầu tư nước ngoài.
- D. quá trình hội nhập quốc tế và khu vực.

Câu 66: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây gây mưa vào tháng 9 cho Trung Bộ?

- A. Gió Tây Nam và Tín phong bán cầu Bắc.
- B. Gió mùa Tây Nam và gió Tây Nam.
- C. Gió Tây Nam và gió mùa Đông Bắc.
- D. Gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 67: Việc làm đang là vấn đề lớn và gay gắt ở nước ta vì

- A. lao động có trình độ cao ít.
- B. tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm cao.
- C. thiếu lao động lành nghề.
- D. lao động dồi dào trong khi kinh tế phát triển còn chậm.

Câu 68: Cho bảng số liệu:

SỰ BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH RỪNG QUA MỘT SỐ NĂM

| Năm | Tổng diện tích có rừng (triệu ha) | Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha) | Diện tích rừng trồng (triệu ha) | Độ che phủ (%) |
|------|-----------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|----------------|
| 1943 | 14,3 | 14,3 | 0 | 43,0 |
| 1983 | 7,2 | 6,8 | 0,4 | 22,0 |
| 2005 | 12,7 | 10,2 | 2,5 | 38,0 |

(Số liệu theo SGK Địa lí 12, trang 58)

Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện sự biến động rừng của nước ta qua các năm là

- A. cột và đường. B. miền. C. cột ghép. D. cột chồng.

Câu 69: Thời tiết ở nước ta mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng bức là do

- A. tiếp giáp với biển Đông.
B. chịu tác động thường xuyên của gió mùa.
C. nằm gần xích đạo, mưa nhiều.
D. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.

Câu 70: Tỷ lệ dân thành thị nước ta ngày càng tăng chủ yếu là do

- A. quá trình công nghiệp hóa.
B. dân nông thôn ra thành thị tìm việc làm.
C. chất lượng cuộc sống ở thành thị tốt hơn.
D. chính sách phân bố lại dân cư giữa các vùng.

Câu 71: Du lịch Việt Nam chỉ thật sự phát triển nhanh từ đầu thập kỉ 90 đến nay là nhờ

- A. chính sách mở cửa của Nhà nước.
B. sự phát triển của nền kinh tế thị trường.
C. chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
D. chính sách Đổi mới của Nhà nước.

Câu 72: Ở nước ta, đất feralit thường bị chua là vì

- A. đất quá chặt. B. mưa nhiều làm rửa trôi các chất bazơ dễ tan.
C. quá trình phong hóa diễn ra mạnh. D. có chứa nhiều Fe_2O_3 và Al_2O_3 .

Câu 73: Nhân tố chủ yếu nào sau đây là nguyên nhân dẫn đến sự phân bố khác nhau của chè và cao su?

- A. Khí hậu. B. Nguồn nước. C. Địa hình. D. Đất đai.

Câu 74: Vùng nào sau đây là khu vực có thềm lục địa bị thu hẹp trên biển Đông?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Vịnh Bắc Bộ. C. Nam Trung Bộ. D. Vịnh Thái Lan.

Câu 75: Ý nghĩa của địa hình đồi núi đối với phát triển công nghiệp ở nước ta là

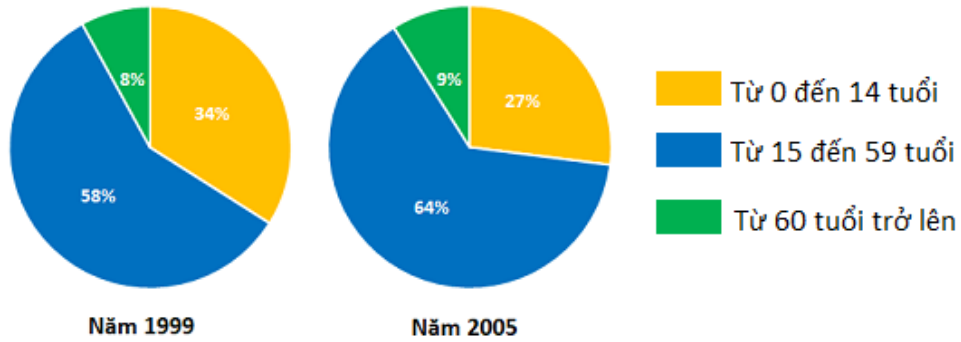
- A. các đồng bằng thường xuyên nhận được lượng phù sa bồi đắp lớn.
B. giàu có về tài nguyên rừng với hơn 3/4 diện tích lãnh thổ.
C. miền núi có khí hậu mát mẻ thuận lợi để phát triển du lịch.
D. sông ngòi có tiềm năng thủy điện lớn với công suất trên 30 triệu Kw.

Câu 76: Biện pháp chủ yếu để giải quyết tình trạng thất nghiệp ở thành thị nước ta là

- A. đẩy mạnh phát triển các hoạt động công nghiệp và dịch vụ ở các đô thị.
B. hợp tác lao động quốc tế để xuất khẩu lao động.
C. phân bố lại lực lượng lao động trên quy mô cả nước.
D. tập trung xây dựng các nhà máy công nghiệp quy mô lớn.

Câu 77: Cho biểu đồ:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI Ở NƯỚC TA NĂM 1999 VÀ NĂM 2005



(Số liệu theo SGK Địa lí 12, trang 68)

Qua biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng với cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta năm 1999 và 2005?

- A. Cơ cấu dân số nước ta ngày càng già hóa.
- B. Tỷ trọng dân số từ 15 đến 59 tuổi giảm.
- C. Tỷ trọng dân số từ 60 tuổi trở lên giảm.
- D. Tỷ trọng dân số từ 0 đến 14 tuổi tăng.

Câu 78: Vùng nào sau đây có tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất ở nước ta?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 79: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho một số mặt hàng xuất khẩu của nước ta có sức cạnh tranh còn thấp?

- A. Nguồn hàng xuất khẩu ngày càng đa dạng.
- B. Thị trường xuất khẩu là các nước Đông Nam Á.
- C. Công nghiệp chế biến còn nhiều hạn chế.
- D. Chú trọng xuất khẩu nhiều khoáng sản thô.

Câu 80: Đâu **không** phải là dạng địa hình do biển tạo nên?

- A. Vịnh cửa sông.
- B. Các khe rãnh xói mòn.
- C. Tam giác chậu.
- D. Bãi cát phẳng.

----- **HẾT** -----